CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Chương Dương

Ngày 30/09/2025	32,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	23.5%	**156.0**	**120.1**

DT thuần
Q3/25
289
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 44.0| 18.1%
YoY: ▲ 54.0| 23.1%

LN thuần
Q3/25
8.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 6.91| 375%
YoY: ▲ 7.61| 667%

LN sau thuế
Q3/25
8.25
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.53| 203%
YoY: ▲ 7.45| 931%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
9.0%
YoY: +/-▲ 4.3%

ROE (TTM)
Q3/25
6.6%
YoY: +/-▲ 1.2%

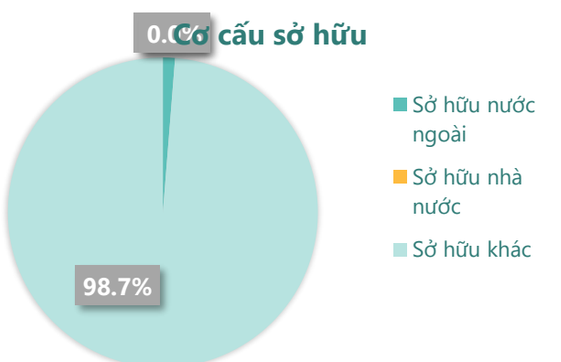
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,540 - 27,750
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,407
Số lượng CPLH (CP)	43,977,432
KLGD BQ 20 phiên (CP)	959,335
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	0.35
EPS	809
P/E	39.6

DT thuần
9T 2025
791
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 63.0| 8.6%

LN thuần
9T 2025
13.3
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.38| 92.1%

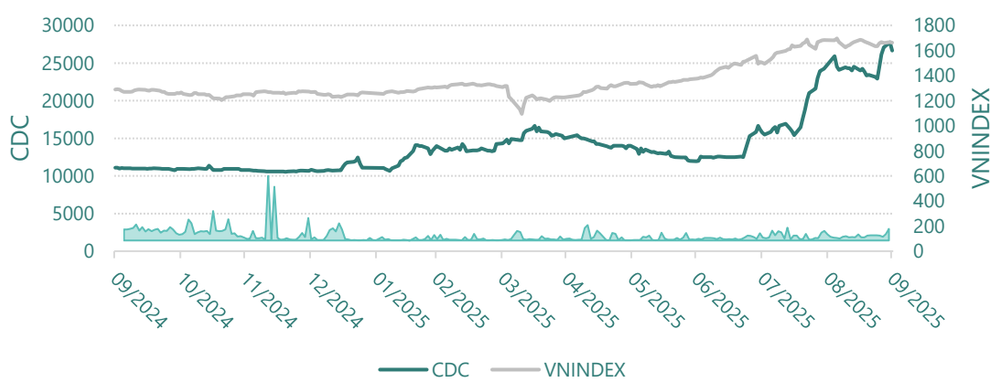
LN sau thuế
9T 2025
12.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.68| 109%

Cơ cấu sở hữu

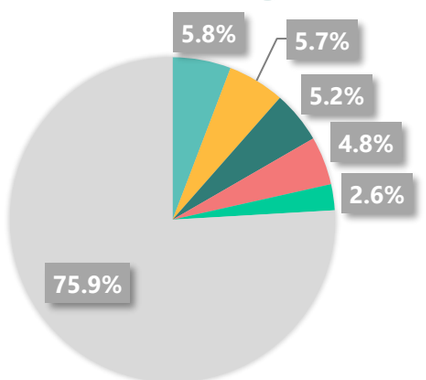


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

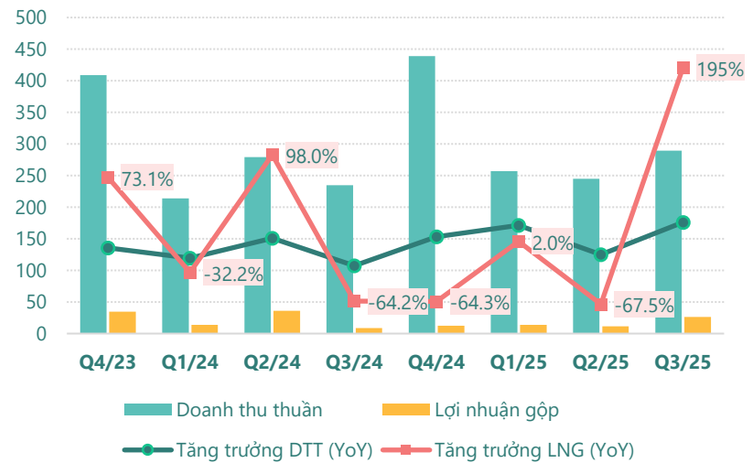




(Nguồn: fireant.vn)

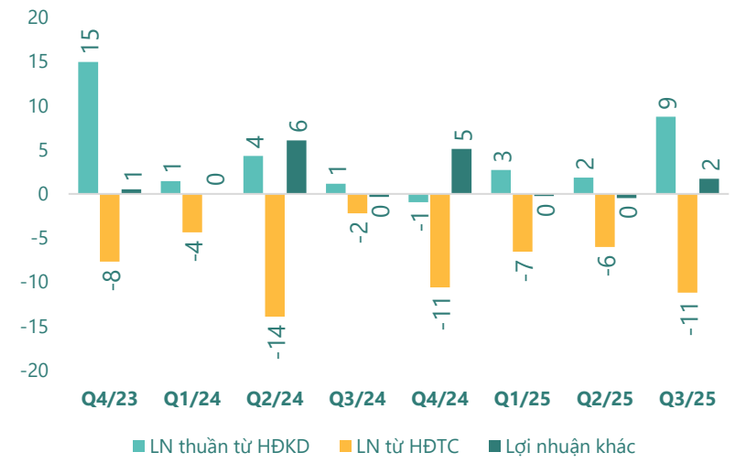
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



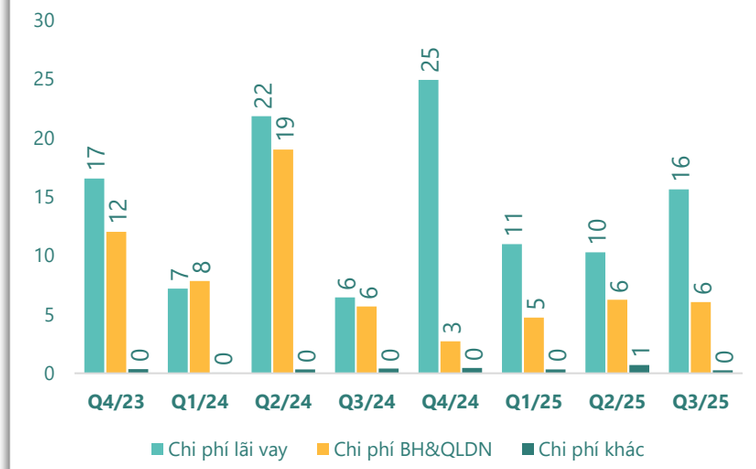
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



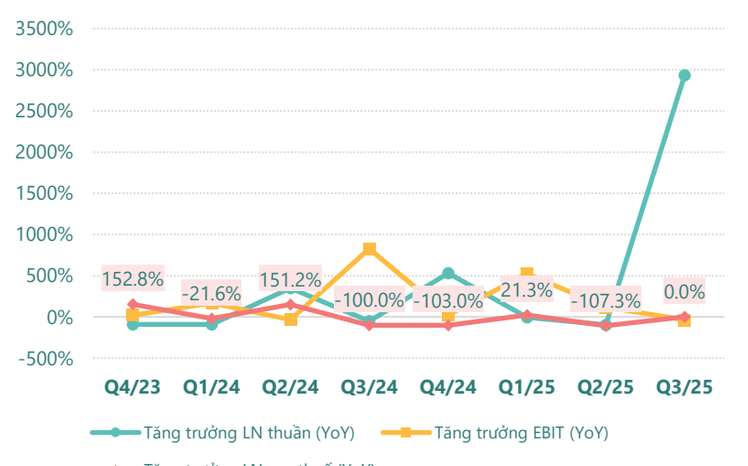
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



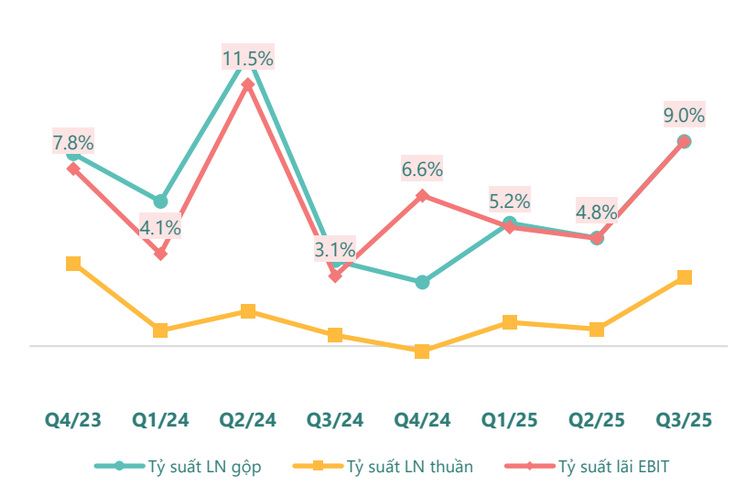
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



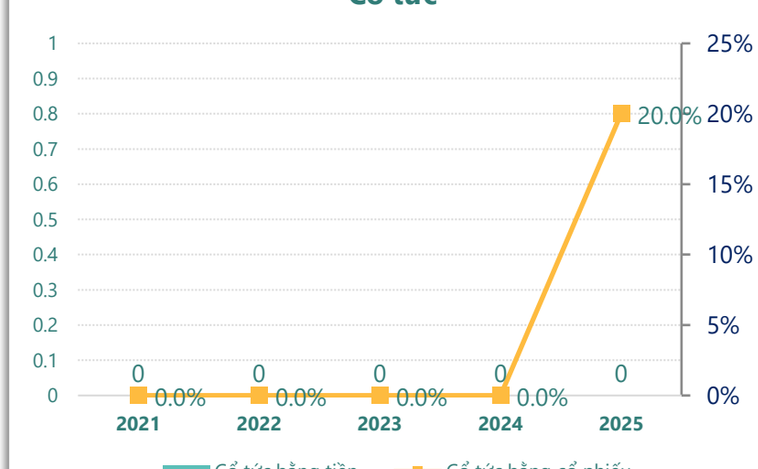
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

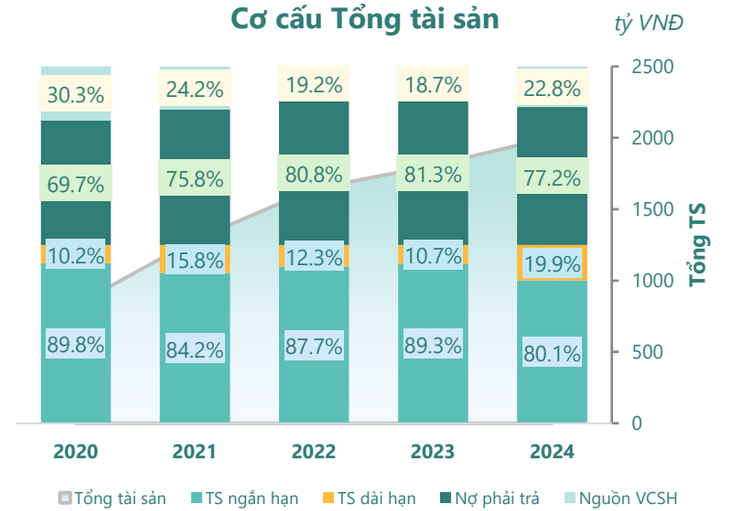
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

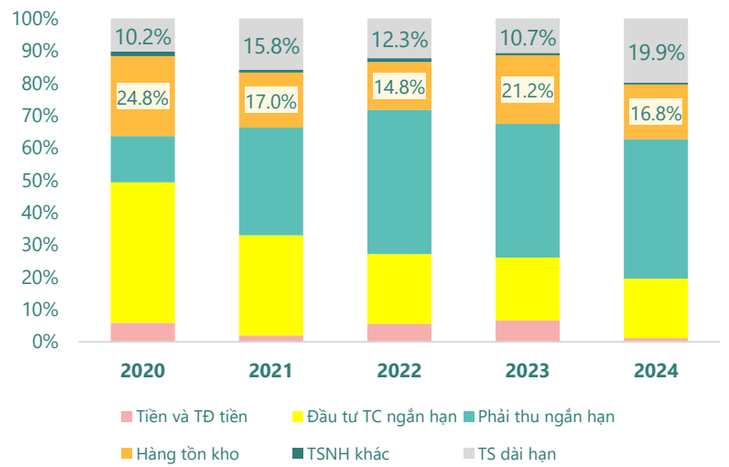
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



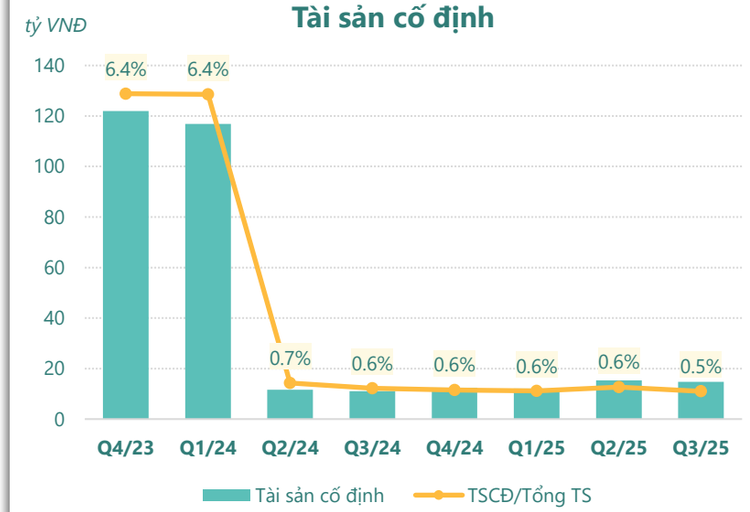
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



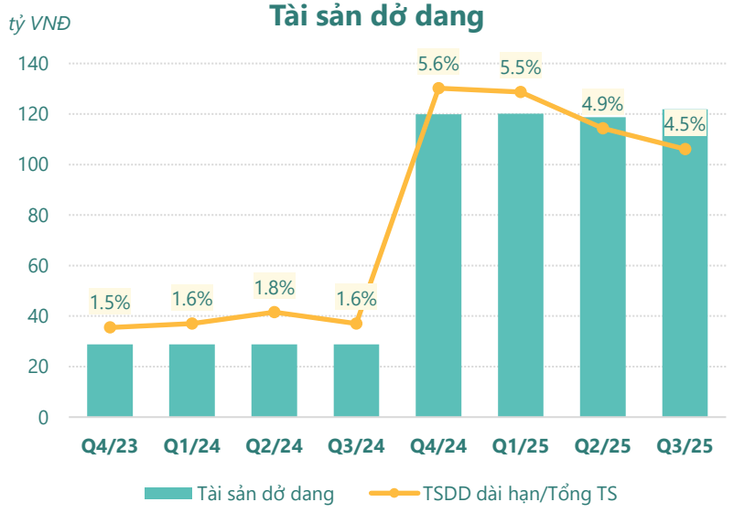
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



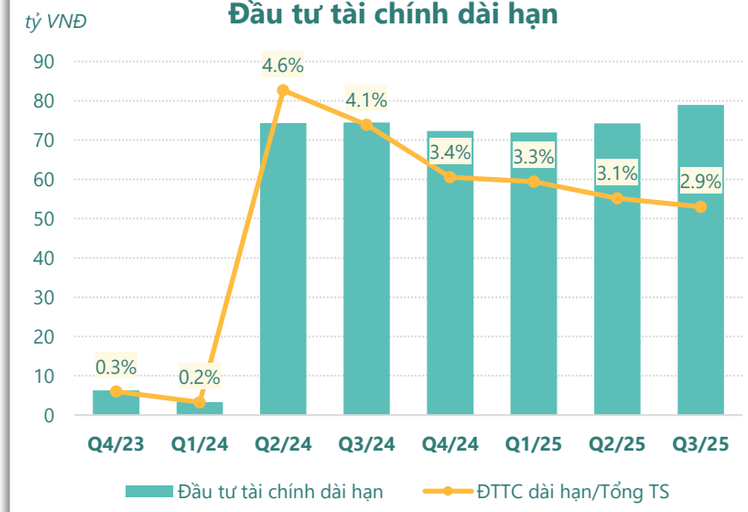
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



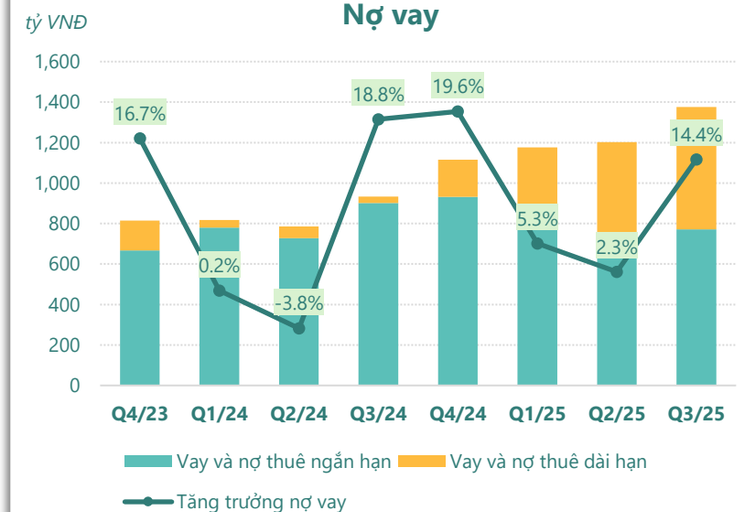
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

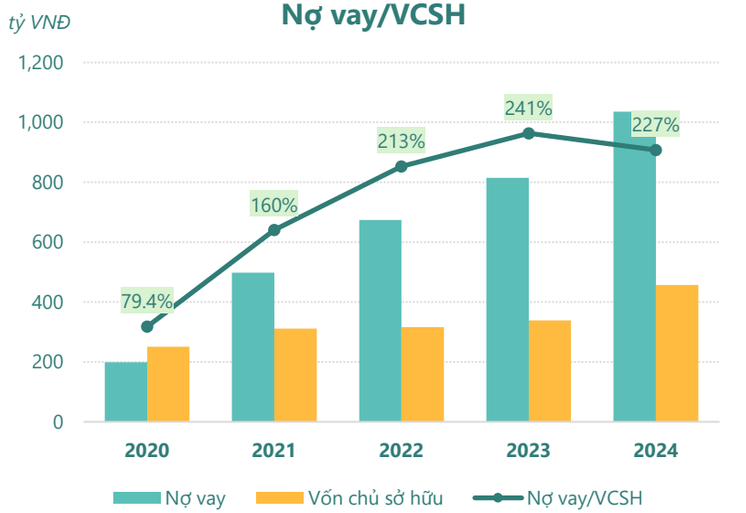
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

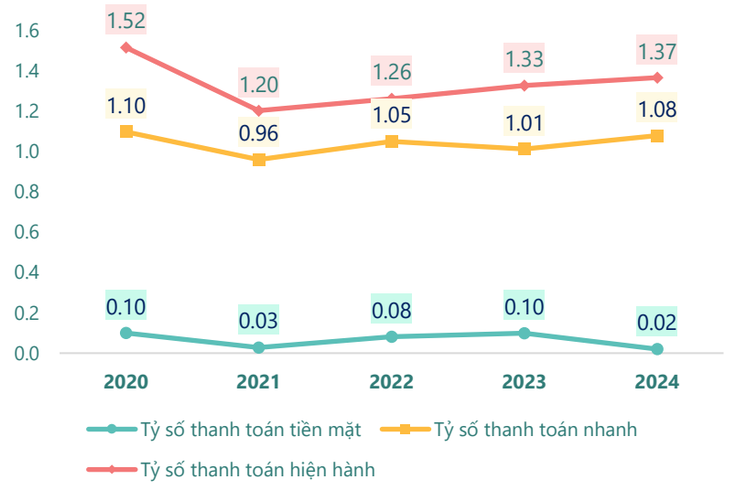
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



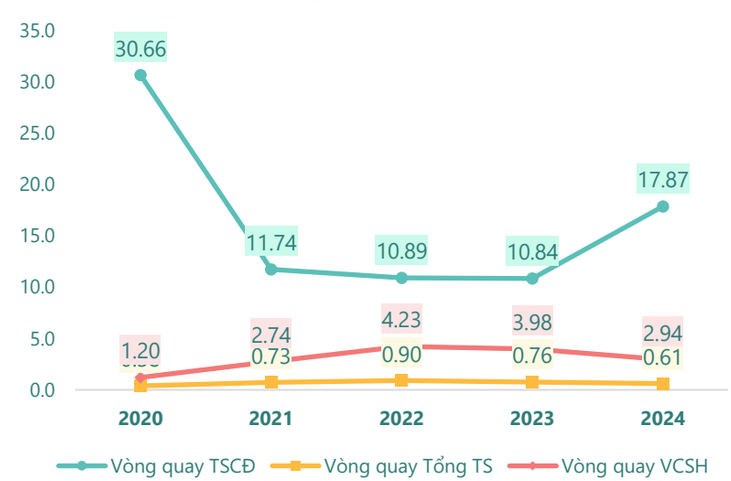
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



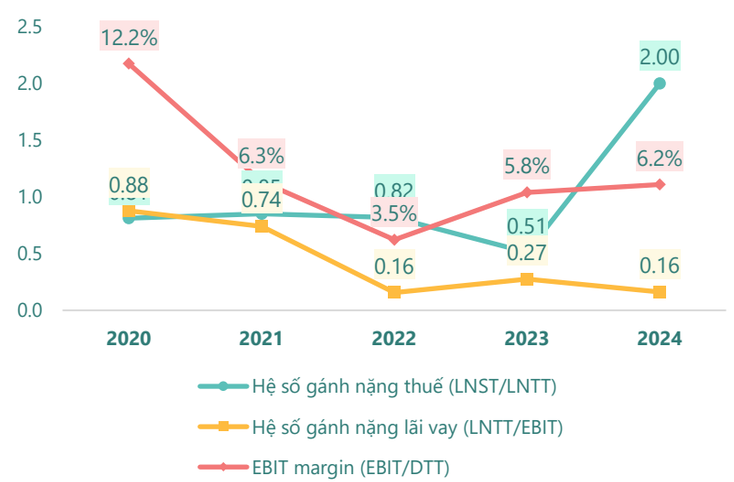
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



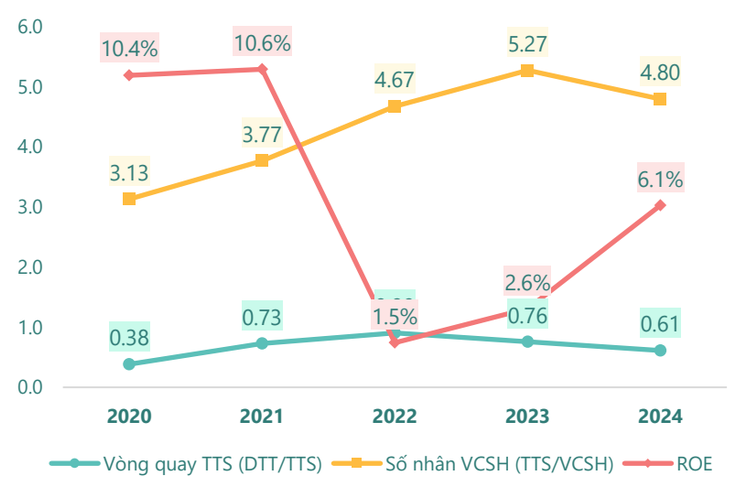
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



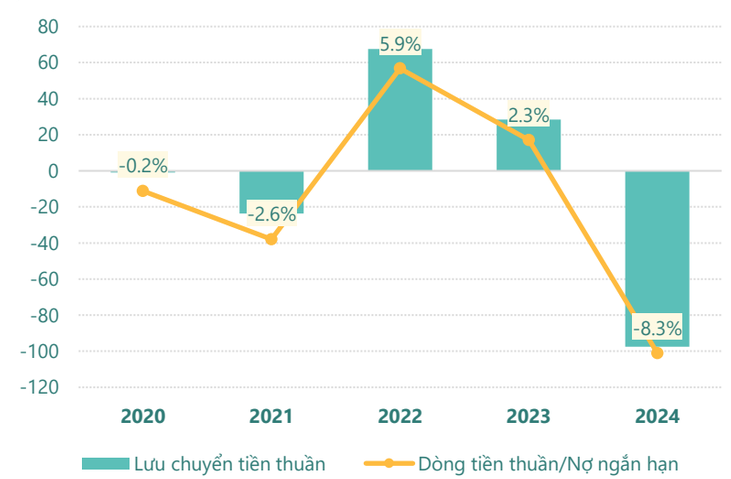
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**289**	**235**	**23.1%**	**791**	**728**	**8.6%**
Giá vốn hàng bán	263	226	16.5%	739	670	10.4%
Lợi nhuận gộp	26.1	8.87	195%	51.7	58.4	-11.4%
Doanh thu HĐTC	4.47	4.35	2.7%	14.2	16.8	-15.6%
Chi phí TC	15.7	6.56	139%	38.0	37.3	1.7%
Chi phí lãi vay	15.7	6.46	142%	36.9	35.5	3.9%
LN trong công ty LKLD	**-0.13**	**0.18**	**-173%**	**2.38**	**1.60**	**48.7%**
Chi phí bán hàng	0.08	0.48	-83.7%	0.08	1.44	-94.6%
Chi phí QLDN	**5.98**	**5.21**	**14.8%**	**17.0**	**31.1**	**-45.5%**
LN thuần từ HĐKD	8.75	1.14	667%	13.3	6.92	92.1%
Lợi nhuận khác	**1.72**	**-0.33**	**621%**	**1.01**	**5.81**	**-82.6%**
LN trước thuế	10.5	0.80	1208%	14.3	12.7	12.4%
Lợi nhuận sau thuế	**8.25**	**0.80**	**931%**	**12.8**	**6.12**	**109%**
LNST của CĐ cty mẹ	**8.08**	**1.08**	**648%**	**13.7**	**6.79**	**102%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-114	-60.2	-132	-502	196	-330
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-50.1	48.7	-90.7	215	-257	6.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	105	64.2	177	581	-177	268
Tiền đầu kỳ	79.2	20.0	72.6	23.7	318	80.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-59.2**	**52.7**	**-46.5**	**295**	**-238**	**-56.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.0	72.6	26.2	318	80.0	23.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,680**	**2,006**	**33.6%**
Tài sản ngắn hạn	2,407	1,607	49.8%
Tiền và tương đương tiền	23.6	23.7	-0.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	396	369	7.4%
Phải thu ngắn hạn	1,043	865	20.5%
Hàng tồn kho	919	338	172%
Tài sản ngắn hạn khác	25.5	10.7	138%
Tài sản dài hạn	**274**	**399**	**-31.5%**
Phải thu dài hạn	18.5	156	-88.2%
Tài sản cố định	14.7	12.3	19.9%
Bất động sản đầu tư	35.8	37.2	-3.8%
Tài sản dở dang	122	120	1.6%
Đầu tư tài chính dài hạn	79.0	71.8	9.9%
Tài sản dài hạn khác	**3.63**	**1.59**	**128%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,954	1,550	26.1%
Nợ ngắn hạn	**1,167**	**1,177**	**-0.8%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	771	851	-9.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	147	100	47.1%
Nợ dài hạn	787	373	111%
Vay và nợ thuê dài hạn	606	184	229%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**726**	**457**	**59.1%**
Vốn chủ sở hữu	**726**	**457**	**59.1%**
Vốn điều lệ	440	220	100%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)